CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Ngày 30/06/2025	24,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-3.9%**

DT thuần
Q2/25
31.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼242| -88.6%
YoY: ▲ 8.80| 39.6%

LN thuần
Q2/25
-0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.9| -101%
YoY: ▼0.19| -975%

LN sau thuế
Q2/25
-0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.3| -101%
YoY: ▼0.19| -1886%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.5%
YoY: +/-▼ 5.0%

ROE (TTM)
Q2/25
11.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

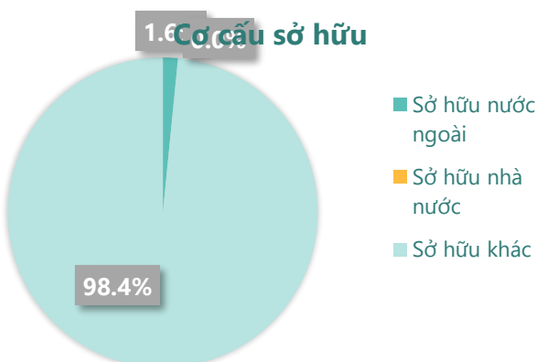
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	23,100 - 37,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	231
Số lượng CPLH (CP)	9,326,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,530
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	(0.00)
EPS	2,008
P/E	12.3

DT thuần
6T 2025
304
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 252| 484%

LN thuần
6T 2025
17.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.9| 559%

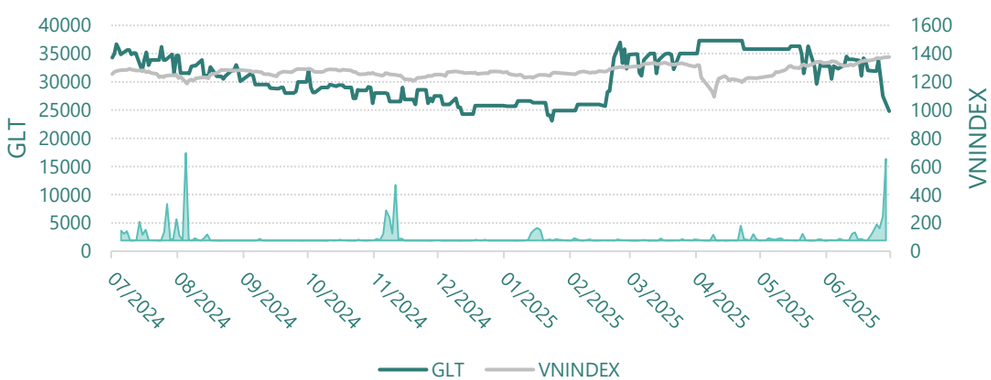
LN sau thuế
6T 2025
14.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9| 642%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

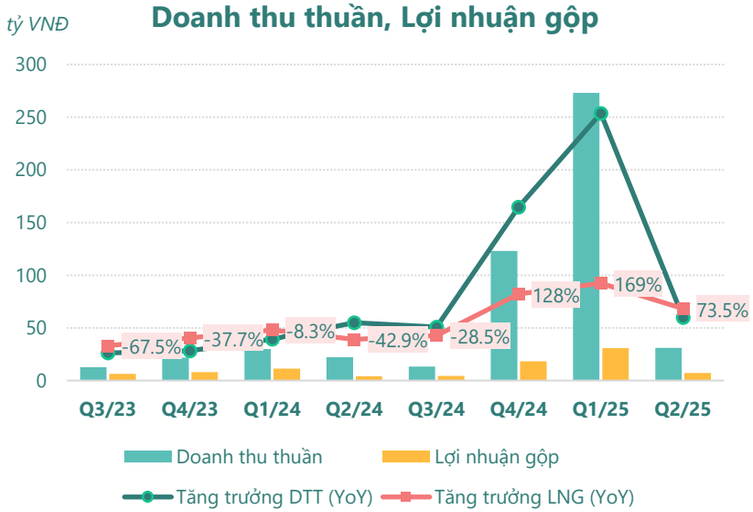




(Nguồn: fireant.vn)

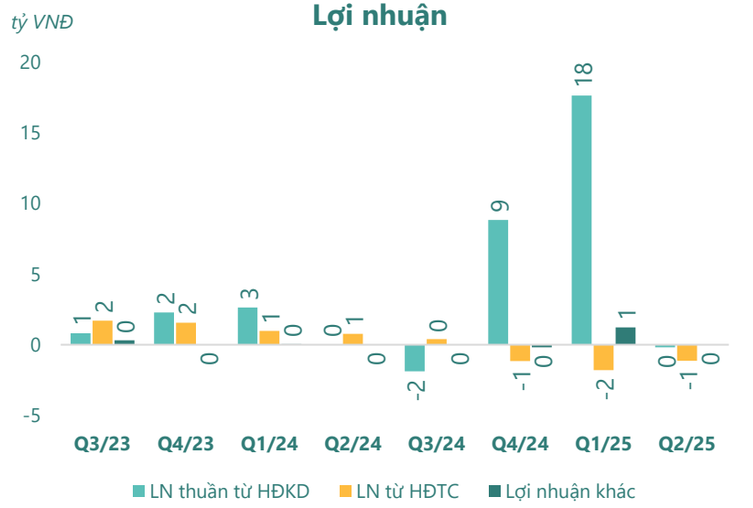
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



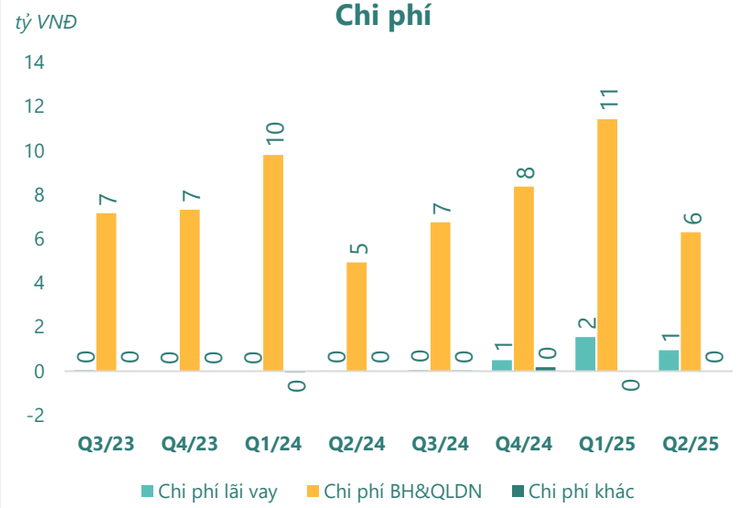
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



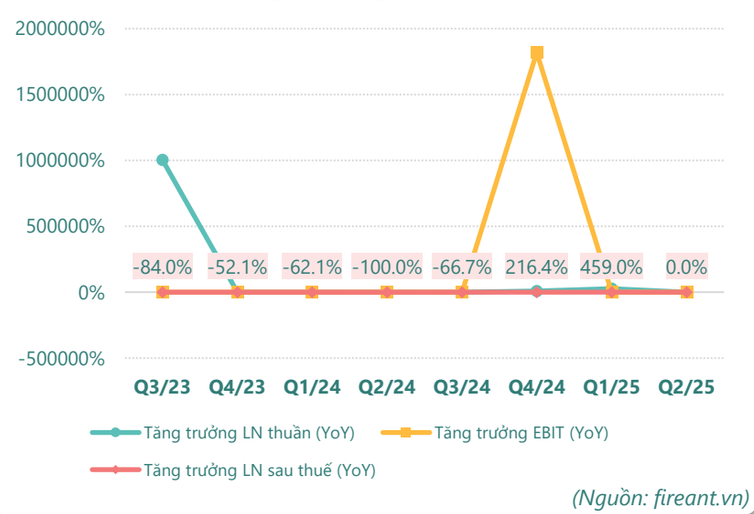
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



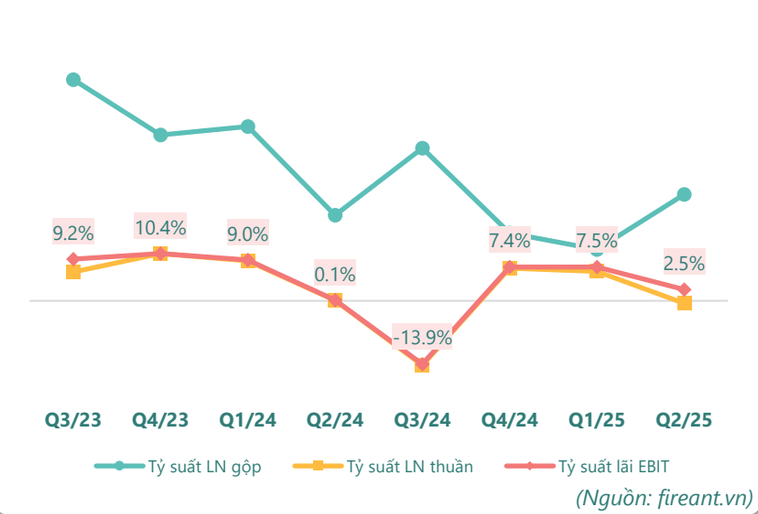
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



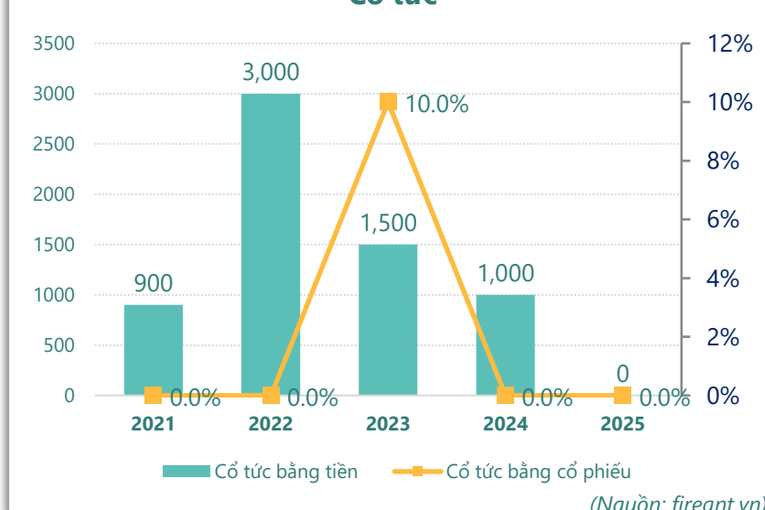
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

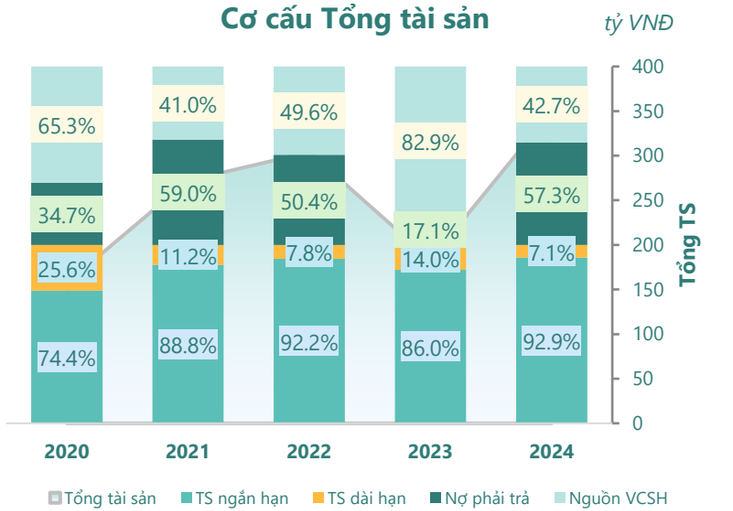
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

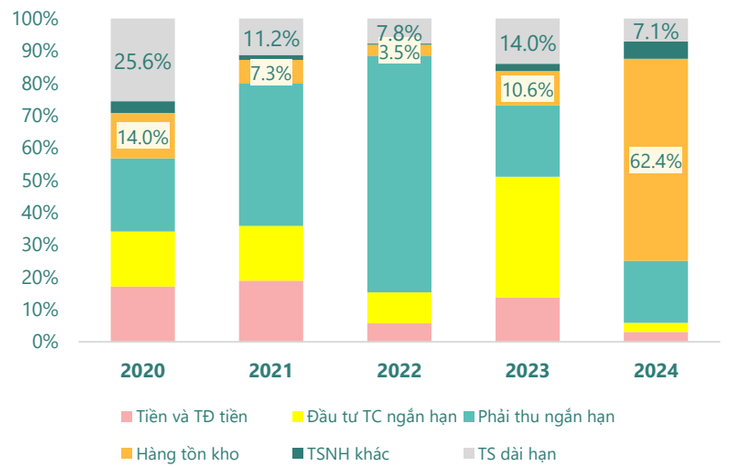
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



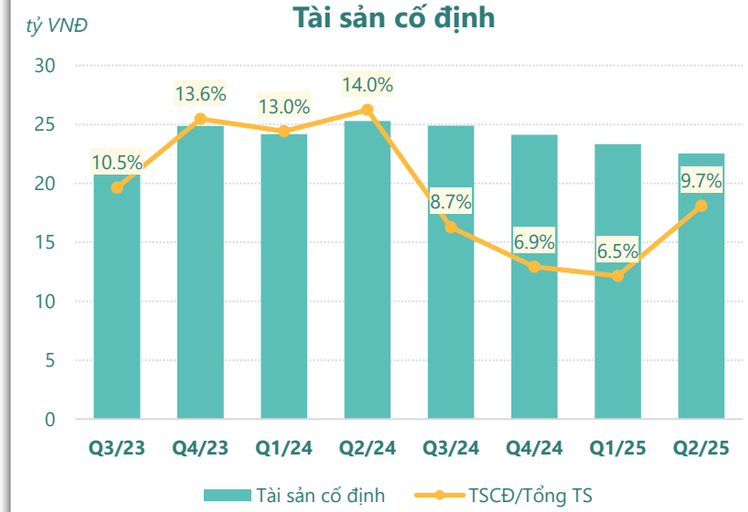
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



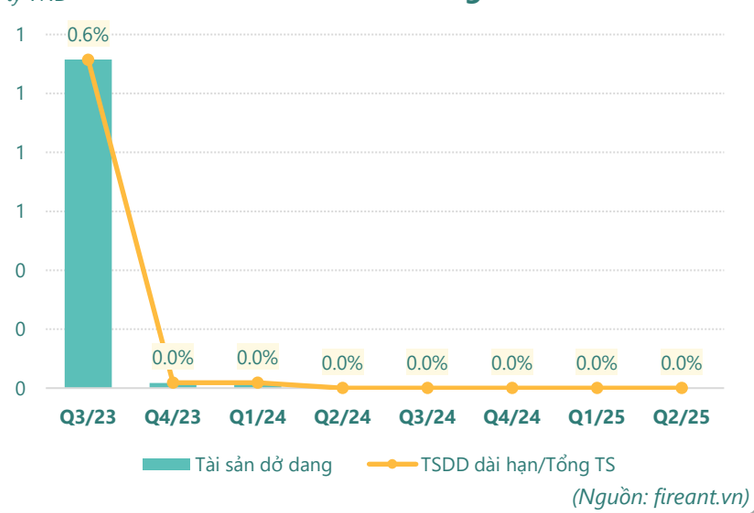
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



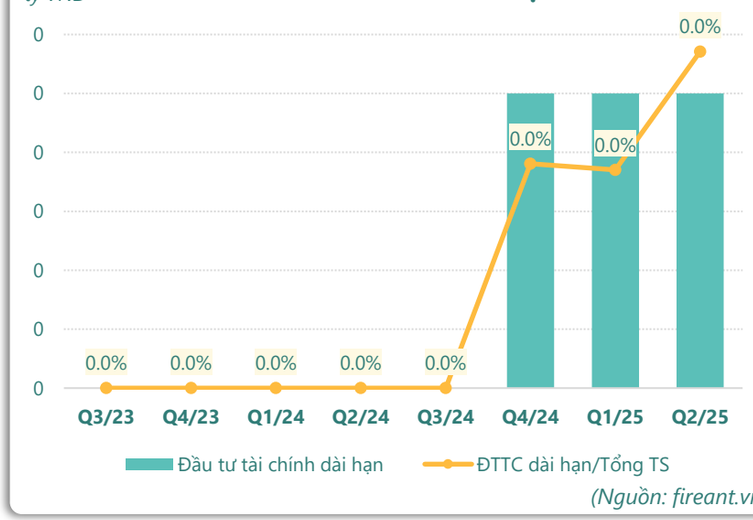
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



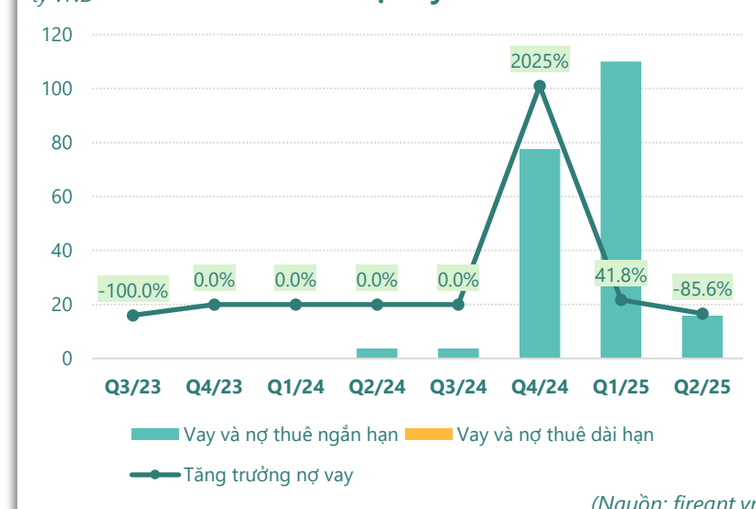
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

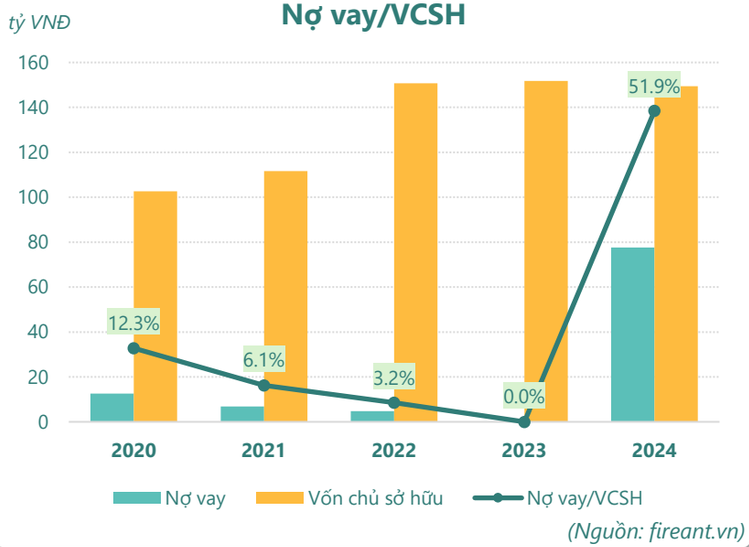
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

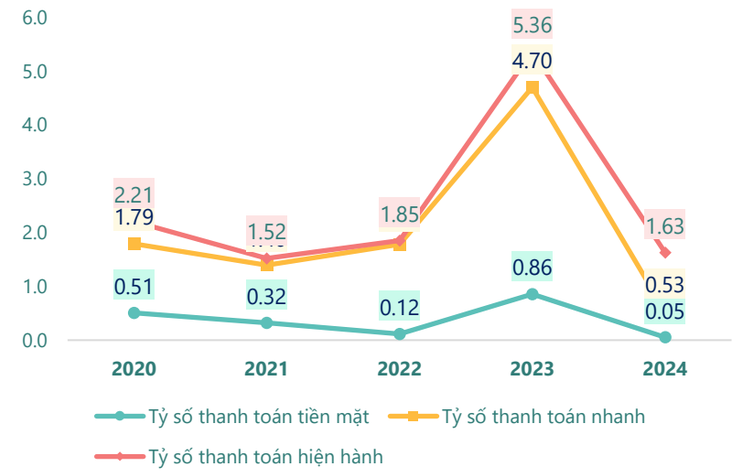
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



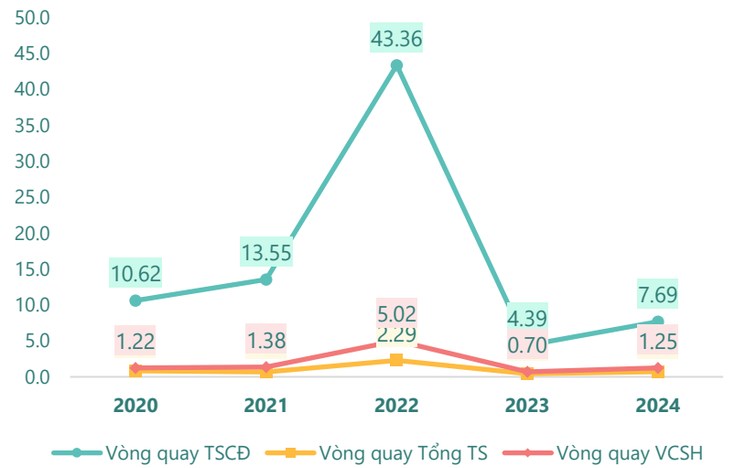
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



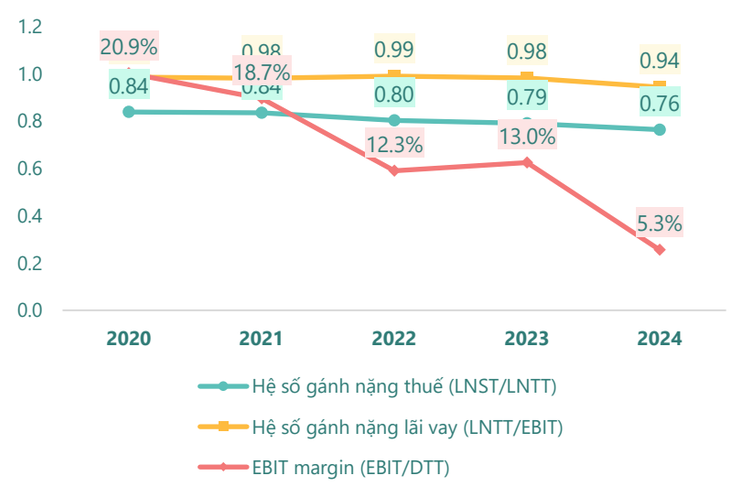
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



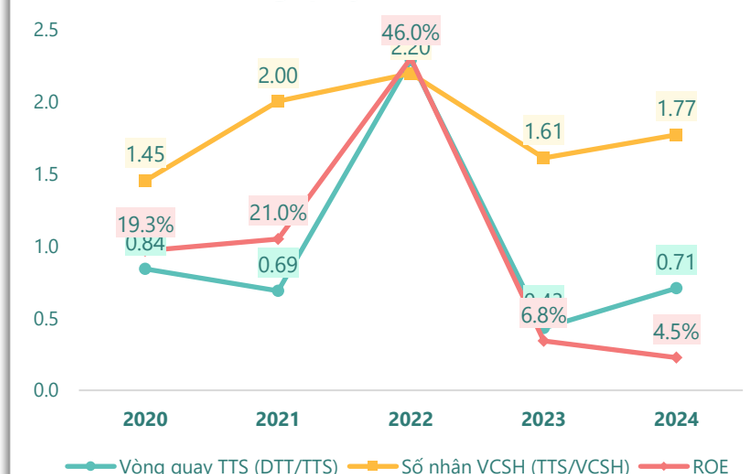
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



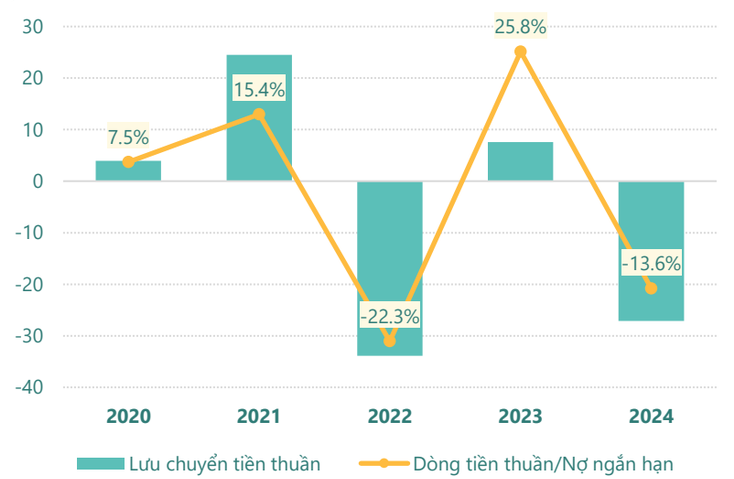
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.0**	**22.2**	**39.6%**	**304**	**52.0**	**484%**
Giá vốn hàng bán	23.7	18.0	31.8%	266	36.4	631%
Lợi nhuận gộp	7.27	4.19	73.4%	38.2	15.7	144%
Doanh thu HĐTC	0.21	0.88	-76.6%	0.21	2.30	-90.9%
Chi phí TC	1.34	0.12	1018%	3.15	0.56	464%
Chi phí lãi vay	0.95	0.01	9446%	2.50	0.01	17059%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.69	3.60	2.6%	10.1	9.51	5.7%
Chi phí QLDN	**2.61**	**1.34**	**95.0%**	**7.67**	**5.22**	**46.9%**
LN thuần từ HĐKD	-0.17	0.02	-975%	17.5	2.65	559%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**1.23**	**0.04**	**2911%**
LN trước thuế	-0.18	0.01	-1886%	18.7	2.69	595%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.18**	**0.01**	**-1886%**	**14.9**	**2.01**	**642%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.01**	**0.49**	**-98.7%**	**13.7**	**1.84**	**646%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.30	-55.3	-28.0	-78.8	-44.5	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.3	26.9	30.7	-3.25	17.1	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	3.65	-9.27	73.7	32.4	-94.1
Tiền đầu kỳ	25.1	37.8	13.0	6.38	10.6	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	**12.6**	**-24.7**	**-6.65**	**-8.40**	**4.96**	**13.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.02	-0.03	0.01	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	37.8	13.0	6.38	10.6	2.94	15.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**233**	**350**	**-33.4%**
Tài sản ngắn hạn	210	325	-35.4%
Tiền và tương đương tiền	15.9	10.6	49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.65	9.95	-53.3%
Phải thu ngắn hạn	157	67.2	134%
Hàng tồn kho	30.3	219	-86.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.20	18.9	-88.4%
Tài sản dài hạn	**23.1**	**24.9**	**-7.1%**
Phải thu dài hạn	0.04	0.03	33.3%
Tài sản cố định	22.5	24.1	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.45**	**0.62**	**-27.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.9	201	-65.2%
Nợ ngắn hạn	**67.1**	**200**	**-66.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.8	77.6	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.1	64.4	-42.5%
Nợ dài hạn	2.81	0.96	192%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**164**	**149**	**9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**164**	**149**	**9.5%**
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)